TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **14/**2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26-4-2019
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Lâm

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Mai Bá T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số 92 đường, Tổ 51, Khu A, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Châu Yến N, sinh năm 1989. Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Số 92 đường Đ, Tổ 10, Khu A, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ liên lạc: Số E Khu B, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Mai Bá T trình bày:

Ông Mai Bá T và bà Nguyễn Châu Yến N là vợ chồng, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 37, ngày 09/5/2017 tại UBND phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, cách chăm sóc con cái dẫn tới thường xuyên cải vã nhau. Từ cuối năm 2017, bà N và ông T đã sống ly

thân cho đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông T được ly hôn với bà N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Mai Châu Anh K, sinh ngày 30/10/2017, khi ly hôn ông T đồng ý để bà N nuôi con, ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của ông Mai Bá T, Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao công chứng), giấy khai sinh cháu Mai Châu Anh K (bản sao)

Bị đơn bà Nguyễn Châu Yến N đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ, nhưng bà N không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của ông T. Quá trình giải quyết, Tòa án đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đã niêm yết hợp lệ cho bị đơn. Tuy nhiên, bà N đều vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Mai Bá T có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Châu Yến N vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đủ các thủ tục tố tụng. Vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Riêng đối với bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung khác. Đối với quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ông T và bà N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T. Nay ông T có đơn xin ly hôn với bà N và có yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung. Như vậy, quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự .

[1.2] Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Châu Yến N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà N không đến Tòa án để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng không thông báo lý do vắng mặt cho Tòa án biết. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt

bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ngày 25/3/2019 nguyên đơn ông Mai Bá T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Các vấn đề có tranh chấp: Ông T và bà N là vợ chồng, sống chung có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương vào ngày 09/5/2017 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Ông T cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến cuối năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cải vã, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình cảm hai bên. Tại Biên bản xác minh ngày 22/3/2019, đại diện Ban điều hành khu phố 7 phường T thành phố T tỉnh Bình Dương xác định "Từ khoảng năm 2018, ông T và bà N đã không còn chung sống với nhau nữa. Bà N đã chuyển đi nơi khác sống còn ông T vẫn còn sinh sống tại địa phương". Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn bà N là có căn cứ, đúng pháp luật theo quy định tại theo Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Mai Châu Anh K, sinh ngày 30/10/2017, khi ly hôn ông T đồng ý để bà N nuôi con. Xét, cháu K hiện còn nhỏ cũng cần có sự chăm sóc của mẹ. Do đó, khi ly hôn việc giao con cho mẹ nuôi là phù hợp với cuộc sống hiện tại của cháu. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử giao cháu Mai Châu Anh K cho bà Nguyễn Châu Yến N chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét việc cấp dưỡng nuôi con khi cha mẹ ly hôn là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Do đó, sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông T là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ phân tích trên, xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Tòa chấp nhận.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng: Ông Mai Bá T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Mai Bá T về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với bị đơn bà Nguyễn Châu Yến N.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Bá T được ly hôn với bà Nguyễn Châu Yến N.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 57 do UBND phường T, thành phố T cấp ngày 09/5/2017 cho ông Mai Bá T và bà Nguyễn Châu Yến N không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao bà Nguyễn Châu Yến N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Mai Châu Anh K, sinh ngày 30/10/2017.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Mai Bá T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi bằng mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không ai được quyền cản trở ông Mai Bá T trong việc thăm nom, chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau này khi cần thiết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình: Ông Mai Bá T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0033338 ngày 03/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

- Án phí cấp dưỡng: Ông Mai Bá T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CC THADS TP. T;
- Các đương sự;
- UBND p. T, tp. T;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thu Thảo